

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 11/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Chung
2. Ông Nguyễn Trọng Tấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2017/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Cư Seo T - Sinh ngày 07/8/1990 tại huyện S, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12 ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cư Seo C và bà Lừu Thị S; có vợ Giàng Thị C (tên gọi khác C) và 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 12/10/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an Lào Cai. Có mặt.

2. Giàng Thị T1 - Sinh ngày 14/11/1988 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Seo V và bà Thào Thị C; có chồng Sùng Seo P và 02 con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 15/10/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an Lào Cai. Có mặt.

3. Ma Seo S - Sinh ngày 16/9/1993 tại huyện M, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện M, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Seo S và bà Hằng Seo C; có vợ Vàng Thị G và 02 con lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo là đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt tại Quyết định số 41 - QĐ/UBKT ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy M.

Bị bắt tạm giam ngày 12/10/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an Lào Cai. Có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Cư Seo T và Ma Seo S:* Bà Bùi Thị N - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị T1:* Bà Đỗ Thị Lan O - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Vàng Thị H - Sinh ngày 15/6/1996. Nơi cư trú: Thôn N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Phạm Thị T - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Vàng Di Th - sinh năm 1952. Nơi cư trú: Thôn N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vàng Văn T. Nơi cư trú: Xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Anh Ma Seo C - Sinh năm 1996. Nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện M, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Anh Cư Seo V - Sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

4. Chị Giàng Thị C - Sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Cao Văn C. Nơi cư trú: Đội 13, Thôn A, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5/2017, Cư Seo T sang Trung Quốc tìm vợ thì quen một người đàn ông Trung Quốc tên H, H cho T số điện thoại và bảo về Việt Nam lừa phụ nữ bán cho H với giá 1,8 đến 2 vạn CNY (nhân dân tệ). Sau đó T về Việt Nam và quen biết Ma Seo S, Giàng Thị T1 và kể cho nghe việc H bảo tìm phụ nữ bán cho H. Thông qua T, S và T1 cũng quen biết nhau.

Khoảng 14 giờ ngày 27/9/2017, T và S vào công viên H1 chơi và làm quen với Vàng Thị H giới thiệu là người dân tộc Nùng nhà ở thị trấn M, sau đó T và H có trao đổi cho nhau số điện thoại. Khoảng 06 giờ ngày 28/9/2017, H gọi điện cho T xuống B3 đón H đi ăn sáng rồi cả hai đi chơi. Khoảng 19 giờ cùng ngày thì đi ăn tối rồi cả hai thuê mỗi người một phòng ở nhà nghỉ S, Tổ 24 A, phường P, thành phố Lào Cai.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T nảy sinh ý định bán H sang Trung Quốc cho H, T gọi điện cho T1 bảo ra Lào Cai chơi nhưng T1 nói bận không ra. Đến 22 giờ, T gọi điện cho T1 nói muốn bán H sang Trung Quốc, được tiền sẽ chia nhau, T1 đồng ý. Sau đó T cũng gọi điện cho S cùng tham gia bán H, được tiền sẽ chia ba vì có T1 cùng tham gia nữa, S đồng ý.

Khoảng 01 giờ ngày 29/9/2017, T1 ra gặp T tại nhà nghỉ S và cùng nhau bàn bạc việc lừa H bán sang Trung Quốc, T1 nói có biết đường đi sang Trung Quốc ở Q. Đến khoảng 06 giờ 30 phút sáng thì S ra Lào Cai và gặp T1 ở công viên H1 để tránh mặt H. Cùng lúc đó, T gọi điện cho H có mua phụ nữ không, H nói có mua, sau đó T và H xuống tầng một của nhà nghỉ ăn sáng và gọi S, T1 đến ăn cùng. Sau đó cả nhóm đi lên công viên H1 chơi. Đến 09 giờ T nói với T1 bằng tiếng mông với nội dung đã liên hệ với ông chủ Trung Quốc để bán H. T1 nói “Bây giờ đưa con H đi uống bia, nó say mới đưa đi Trung Quốc được”. Sau đó cả nhóm đi uống bia ở gần cầu C, T1 rủ H đi cùng sang Trung Quốc lấy tiền làm thuê (mục đích để H tìn tưỡng), H đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T chở H bằng xe máy của T, S chở T1 bằng xe máy của S rồi thuê đò của anh Vàng Văn Công ở khu vực Q đi sang Trung Quốc. Khi sang Trung Quốc, T đã gọi điện cho H và thống nhất địa điểm gặp nhau. Sau đó T gọi Taxi đưa H, T1, S đến địa điểm H báo trước. Khi gặp H, H biết H ở M và đi chợ ở Hà Khẩu vài lần thì H không mua vì H ở gần và vì H xấu. T1 nói với H là ông chủ đi vắng không lấy được tiền, Sau đó cả nhóm quay về, khi về đến gần bờ sông thì T nói với S, T1 rằng hôm nay kiểu gì cũng phải bán H không thể đưa H về được, T1 biết ai mua thì liên hệ. Sau đó T1 gọi điện cho người đàn ông tên V nói về việc bán H, V đồng ý mua. T1 nói lừa H rằng ông chủ bảo có tiền nên đợi để lấy tiền. Đến 14 giờ, V và một người đàn ông đi đến và nói mua H giá 15.000 CNY nhưng phải chờ 3-4 ngày mới lấy được tiền, cả ba đồng ý. Sau đó V đưa cả nhóm đến một căn nhà trên đồi cao su, T1 bảo T và S về trước, T1 ở lại chờ lấy tiền bán H. Đối với Vàng Thị H bị V giữ ở một căn nhà trên đồi cao su, sau khi biết mình đã bị lừa bán, lợi dụng sự sơ hở, H đã bỏ trốn và được công an Trung Quốc giải

cứu và trao trả về Việt Nam cho Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế Lào Cai, tại đây H đã tố cáo hành vi phạm tội của T, T1, S.

Sau khi H bỏ trốn thì V đã thông báo cho T1 biết và không trả tiền, Khoảng 15 giờ ngày 11/10/2017, T sang Hà Khẩu tìm V đòi tiền bán H và lấy được 7.600 CNY. Ngày 12/10/2017, T và S bị bắt. Ngày 15/10/2017, T1 bị bắt.

Cáo trạng số 67/KSĐT - TA ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Cur Seo T, Giàng Thị T1, Ma Seo S về tội: “*Mua bán người*” Theo Điều 119 khoản 2 điểm đ Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Cur Seo T, Giàng Thị T1, Ma Seo S phạm tội: “*Mua bán người*”.

Áp dụng Điều 119 khoản 2 điểm đ; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Cur Seo T từ 06 đến 08 năm tù.

Áp dụng Điều 119 khoản 2 điểm đ; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng Thị T1 từ 05 đến 07 năm tù; Xử phạt bị cáo Ma Seo S từ 04 đến 05 năm tù

Giải quyết trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng theo quy định.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đề nghị xử phạt bị cáo Cur Seo T 05 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Giàng Thị T1 04 năm tù; xử phạt bị cáo Ma Seo S 03 năm 06 tháng tù và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nhất trí về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Cur Seo T 08 năm tù, Ma Seo S và Giàng Thị T1 mỗi bị cáo 06 năm tù.

Giải quyết trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng theo quy định.

Ý kiến của các bị cáo đều nhất trí với quan điểm bào chữa của những người bào chữa, người bị hại nhất trí với quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người bào chữa đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Giàng Thị T1 và Ma Seo S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã tóm tắt ở phần trên. Riêng đối với bị cáo Cur Seo T thay đổi lời khai: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nhưng không đóng vai trò chủ mưu, khởi xướng trong vụ án như quy kết của Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát bởi lí do trước đó T1 đã rủ bị cáo tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau, sau khi quen bị hại H bị cáo mới nhớ lại lời rủ rê của T1 và gọi điện cho T1, S để cùng nhau lừa đưa H sang Trung Quốc bán. Như vậy, T1 giữ vai trò khởi xướng, chủ mưu mới đúng. Những lời khai bị cáo nhận vai trò chủ mưu, khởi xướng trong quá trình điều tra là do Điều tra viên cho bị cáo ký giấy trắng nhưng bị cáo không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh, ngoài ra người bào chữa cho bị cáo cũng khẳng định trong quá trình điều tra, các biên bản hỏi cung có người bào chữa tham gia, Cơ quan điều tra đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có việc bị cáo được Điều tra viên cho ký giấy trắng.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo Cur Seo T, Giàng Thị T1, Ma Seo S trong quá trình điều tra. Lời khai của các bị cáo Giàng Thị T1 và Ma Seo S tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 28 đến ngày 29/9/2017, bị cáo Cur Seo T đã rủ Giàng Thị T1, Ma Seo S và cả ba bị cáo cùng lừa đưa bị hại Vàng Thị H sang Trung Quốc bán cho người đàn ông Trung Quốc tên H nhưng H không mua, sau đó các bị cáo tiếp tục bán H cho người đàn ông tên V, bị cáo T đã nhận tiền bán H từ V số tiền 7.600 CNY. Vì vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Cur Seo T, Giàng Thị T1, Ma Seo S phạm tội: “*Mua bán người*” với tình tiết định khung là “*để đưa ra nước ngoài*” theo điểm đ khoản 2 điều 119 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người, coi con người như hàng hóa để mua bán, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy cần phải xử lý các bị cáo thật nghiêm khắc trước pháp luật nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Cur Seo T là người chủ mưu, khởi xướng và cũng trực tiếp thực hiện việc đưa bị hại Vàng Thị H sang Trung Quốc bán, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Đối với bị cáo Giàng Thị T1 và Ma Seo S là người được T rủ rê, đã tham gia tích cực đưa Vàng Thị H sang Trung Quốc bán, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò người

thực hành trong vụ án. Bị cáo T1 là người tham gia tích cực hơn bị cáo S do vậy khi lượng hình cần phải xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo trong vụ án này đều là người dân tộc thiểu số, tuổi đời còn trẻ, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo Cur Seo T đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Vì vậy cần áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 cho bị cáo T và áp dụng điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự 1999 giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo T1, S theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có điều kiện về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền danh dự nhân phẩm là 5.000.000đ và tiền trị giá chiếc xe mô tô bị mất là 12.500.000đ, tổng cộng là 17.500.000đ. Trong quá trình điều tra, anh V là anh ruột của bị cáo T đã thay các bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền trên cho bị hại. Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm. Xét thấy, yêu cầu bồi thường các khoản tiền trên của bị hại là có căn cứ, việc thỏa thuận bồi thường giữa bị hại và anh V là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần công nhận.

Tại phiên tòa anh V nhất trí bồi thường toàn bộ cho bị hại H phần bồi thường của bị cáo T là 5.833.333đ, không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả. Anh V yêu cầu bị cáo S và T1 phải liên đới hoàn trả lại anh số tiền bồi thường theo phần cụ thể của mỗi bị cáo là 5.833.333đ. Xét yêu cầu trên là phù hợp cần buộc các bị cáo S và T1 phải trả lại anh số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vàng Dĩ Th (đã uỷ quyền cho anh Vàng Văn T là em trai ruột) đề nghị các bị cáo phải bồi thường 11.000.000đ tiền chi phí đi tìm bị hại H. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp pháp luật do vậy cần chấp nhận, buộc ba bị cáo phải liên đới bồi thường. Phần liên đới cụ thể của mỗi bị cáo là 3.666.667đ.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 50 CNY trong tổng số 5.600 CNY là tiền bán bị hại H, bị cáo Cur Seo T đã chi tiêu nên cần truy thu sung quỹ nhà nước số tiền này sau khi quy đổi tỷ giá mua vào với đồng Việt Nam đồng tại thời điểm phạm tội là 170.600đ.

- Đối với: 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave S màu đỏ - đen, biển số 24B1-698.01 và 01 chiếc điện thoại OPPO màu đen, số tiền 7.550 CNY thu của bị cáo Cur Seo T; 01 điện thoại Sam Sung, 01 điện thoại MassteL- A116 màu xanh thu của bị cáo Ma Seo S; 01 điện thoại OPPO, 01 điện thoại X phone thu của bị cáo Giàng Thị T1. Đây là công cụ phương tiện thực hiện tội phạm, tiền do phạm tội

mà có nên cần tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước. Riêng đối với chiếc xe máy thu của bị cáo T, đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bị cáo với chị C nên cần tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe, phần còn lại trả cho vợ bị cáo.

- Đối với: 01 giấy nộp tiền, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ ATM thu của bị cáo Cự Seo T; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Thào Seo T (bị cáo S khai nhận được), 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy chứng nhận công an viên thu của bị cáo Ma Seo S; 01 chứng minh thư nhân dân thu giữ của bị cáo Giàng Thị T1. Đây đều là giấy tờ tùy thân của các bị cáo nên cần tuyên trả lại cho các bị cáo.

- Đối với: 01 chiếc ví giả da thu của bị cáo Cự Seo T; 01 chiếc ví giả da màu nâu thu của bị cáo Ma Seo S; 02 thẻ nhớ thu của bị cáo Giàng Thị T1 và các thẻ sim điện thoại thu của các bị cáo. Đây là những vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: Số tiền 3.350.000đ thu của bị cáo Cự Seo T, Số tiền 782.000đ thu của bị cáo Ma Seo S. Đây là số tiền của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng do các bị cáo còn phải thi hành khoản tiền bồi thường, án phí nên cần tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 24B1-698.01, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe máy, do phải thi hành việc tịch thu sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với: 01 chiếc xe mô tô hiệu WaVe RSX màu trắng đen biển số 24B1-160.03; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô – xe máy số 016987 mang tên Giàng A Đ do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lào Cai cấp; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe máy mang tên Giàng A Đ. Chiếc xe này bị cáo Cự Seo T mượn của anh C (anh Chín mua lại của anh Đề nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu), khi cho bị cáo mượn, anh Chín không biết bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội do vậy cần trả lại cho anh C.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Cự Seo T, Giàng Thị T1, Ma Seo S phạm tội: “*Mua bán người*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Cự Seo T 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2017.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Giàng Thị T1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/10/2017.

- Xử phạt bị cáo Ma Seo S 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 30 Bộ luật Hình sự; các điều 274, khoản 3 Điều 275, Điều 584, 585, 587, 592 Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Cur Seo T, Ma Seo S, Giàng Thị T1 phải liên đới bồi thường cho:

- Chị Vàng Thị H số tiền 17.500.000đ (*mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Phần liên đới của mỗi bị cáo là 5.833.333đ (*năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

- Ông Vàng Dĩ Th số tiền 11.000.000đ (*mười một triệu đồng*). Phần liên đới của mỗi bị cáo là 3.666.667đ (*ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Xác nhận các bị cáo đã bồi thường xong cho chị Vàng Thị H.

Buộc các bị cáo Giàng Thị T1, Ma Seo S phải liên đới hoàn trả lại cho anh V mỗi bị cáo số tiền là 5.833.333đ (*năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Cur Seo T số tiền: 170.600đ (*một trăm bảy mươi nghìn sáu trăm đồng*).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ Một phần hai giá trị chiếc xe mô tô hiệu Wave S màu đỏ - đen, biển số 24B1- 698.01, số khung 5262DY107620, số máy JC52E1326052 và 01 chiếc điện thoại OPPO màu đen, model CPH1609, số Imei1:865251034717531, số Imei2: 865251034717523; số tiền 7.550 CNY (*bảy nghìn năm trăm năm mươi đồng nhân dân tệ*) thu của bị cáo Cur Seo T;

+ 01 điện thoại Sam Sung J2 Prime, mặt trước và mặt sau màu xám - ghi, viền bằng hợp kim màu bạc, model: SM - G532G/DS có số Imei 1: 352405/09/104677/6, Số Imei2: 352406/09/104677/4 và 01 điện thoại Masstel A116 màu xanh, model: CPH1609, số Imei 1: 301014148125914, số Imei 2: 301014148125922 thu của bị cáo Ma Seo S;

+ 01 điện thoại di động OPPO mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng và 01 điện thoại X phone màu trắng, viền màu đen thu của bị cáo Giàng Thị T1.

- Trả lại cho:

+ Bị cáo Cur Seo T: 01 giấy nộp tiền, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank đều mang tên Cur Seo T.

+ Bị cáo Ma Seo S: 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô - xe máy số 003453 mang tên Thảo Seo T do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lào Cai cấp; 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận công an xã đều mang tên Ma Seo S;

+ Bị cáo Giàng Thị T1: 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Giàng Thị T1.

+ Chị C (tên gọi khác Chao): Một phần hai giá trị chiếc xe mô tô hiệu Wave S màu đỏ - đen, biển số 24B1- 698.01, số khung 5262DY107620, số máy JC52E1326052.

+ Anh C: 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX màu trắng, đen, đỏ biển số 24B1- 160.03, số khung 384073, số máy 6327998; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô - xe máy số 016987 mang tên Giàng A Đ do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lào Cai cấp; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe máy mang tên Giàng A Đ.

- Tịch thu tiêu hủy: 10 thẻ sim điện thoại thu của các bị cáo; 02 thẻ nhớ thu của bị cáo Giàng Thị T1; 01 chiếc ví giả da màu nâu thu của bị cáo Cur Seo T; 01 chiếc ví giả da màu nâu thu của bị cáo Ma Seo S.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: Số tiền 3.350.000đ (*ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) thu của bị cáo Cur Seo T, số tiền 782.000đ (*bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng*) thu của bị cáo Ma Seo S; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô - xe máy số 078691 do Công an tỉnh Lào Cai cấp; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe máy số 2116050845280 mang tên Cur Seo T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/11/2017).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường mà các bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Cur Seo T, Ma Seo S và Giàng Thị T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo

Cư Seo T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, các bị cáo Ma Seo S và Giàng Thị T1 mỗi bị cáo phải chịu 475.000đ (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- CQCSĐT + THAHS Công an tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Trại giam Lào Cai (3);
- Bị cáo (3); Bị hại;
- Người bào chữa (2)
- Người bảo vệ (1)
- Người liên quan (3)
- THA Tòa án (8)
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Hồng Hạnh